

DANH SÁCH XẾP PHÒNG THI CHUYÊN KHOA CẤP II HỆ TẬP TRUNG NĂM 2021

Ngày thi: 15-16/10/2021

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
1	03210224	TRẦN HỮU THỤY	Nam	01/07/1987	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Tiếng Anh	302A	301-T3-B
2	03210378	NGÔ LÊ LÂM	Nam	28/09/1979	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Tiếng Anh	303A	301-T3-B
3	03210009	LÊ MINH TRƯỜNG	Nam	17/02/1981	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Tiếng Anh	303A	301-T3-B
4	03210035	PHẠM THỊ THANH XUÂN	Nữ	16/09/1986	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Tiếng Anh	303A	301-T3-B
5	03210266	NGUYỄN ĐỨC HẠNH	Nữ	10/11/1977	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Tiếng Anh	402B	301-T3-B
6	03210268	BÙI VĂN HẬU	Nam	06/10/1975	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Tiếng Anh	402B	301-T3-B
7	03210245	ĐẶNG THỤY ANH	Nữ	21/11/1986	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Tiếng Anh	403A	301-T3-B
8	03210375	NGÔ VĨNH HOÀI	Nam	23/12/1986	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi	404A	301-T3-B
9	03210250	NGUYỄN TÔ HOÀI	Nam	26/01/1980	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi	404A	301-T3-B
10	03210318	LÊ XUÂN THIỆP	Nam	30/09/1983	Chẩn đoán hình ảnh	Chẩn đoán hình ảnh	Miễn thi	404A	301-T3-B
11	03210108	BÙI THỊ HẰNG HOA	Nữ	29/05/1983	Da liễu	Da liễu	Tiếng Anh	303A	301-T3-B
12	03210066	VŨ THỊ HIỀN	Nữ	10/10/1977	Da liễu	Da liễu	Tiếng Anh	303B	301-T3-B
13	03210040	NGUYỄN THỊ TUYẾN	Nữ	17/09/1984	Da liễu	Da liễu	Tiếng Anh	303B	301-T3-B
14	03210325	TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	14/11/1986	Da liễu	Da liễu	Tiếng Anh	402B	301-T3-B
15	03210353	VŨ THỊ PHƯƠNG DUNG	Nữ	08/08/1980	Da liễu	Da liễu	Tiếng Anh	403A	301-T3-B
16	03210195	NGUYỄN MINH THU	Nữ	25/11/1985	Da liễu	Da liễu	Tiếng Anh	403A	301-T3-B
17	03210204	THÂN TRỌNG TÙY	Nam	12/01/1986	Da liễu	Da liễu	Tiếng Anh	403B	301-T3-B
18	03210179	TRẦN THỊ VĂN ANH	Nữ	04/02/1986	Da liễu	Da liễu	Miễn thi	404A	301-T3-B
19	03210392	NGUYỄN TIẾN BẢO	Nam	02/07/1971	Da liễu	Da liễu	Miễn thi	404A	301-T3-B
20	03210155	NGUYỄN THỊ THANH THANH HUY	Nữ	05/09/1989	Da liễu	Da liễu	Miễn thi	404A	301-T3-B
21	03210367	NGUYỄN THỊ THỤY NINH	Nữ	13/09/1986	Dị ứng - MDLS	Dị ứng - MDLS	Tiếng Anh	403A	302-T3-B
22	03210311	TRẦN VĂN ÚT	Nam	07/04/1984	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Tiếng Anh	301B	302-T3-B
23	03210134	NGUYỄN ĐÌNH CHIẾN	Nam	03/08/1980	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Tiếng Anh	302B	302-T3-B
24	03210203	NGUYỄN CÔNG CHÍNH	Nam	06/06/1975	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Tiếng Anh	303A	302-T3-B
25	03210350	TẠ MINH HIỀN	Nữ	29/07/1984	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Tiếng Anh	303B	302-T3-B
26	03210137	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	27/07/1979	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Tiếng Anh	303B	302-T3-B
27	03210257	LÊ NGUYỄN AN	Nam	27/09/1985	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Miễn thi	401A	302-T3-B
28	03210073	NGUYỄN THỊ HẢI	Nữ	07/03/1982	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Miễn thi	401A	302-T3-B
29	03210398	TẠ THỊ ANH NGỌC	Nữ	03/03/1987	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Miễn thi	401A	302-T3-B
30	03210061	TRỊNH ĐỨC TOÀN	Nam	17/11/1983	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Miễn thi	401B	302-T3-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
31	03210016	NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG	Nam	10/03/1978	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Tiếng Anh	402A	302-T3-B
32	03210339	DƯƠNG QUANG CHIẾN	Nam	15/08/1984	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Tiếng Anh	402B	302-T3-B
33	03210032	NGUYỄN MINH TÂN	Nam	24/10/1975	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Tiếng Anh	403A	302-T3-B
34	03210111	ĐỖ NGỌC HIẾU	Nam	28/04/1983	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Tiếng Anh	403B	302-T3-B
35	03210167	NGUYỄN THANH HẢI	Nam	25/09/1976	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Miễn thi	404A	302-T3-B
36	03210401	PHÍ THỊ HOA	Nữ	05/08/1987	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Miễn thi	404A	302-T3-B
37	03210333	LIỄU TRỌNG KHÔI	Nam	06/08/1981	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Miễn thi	404A	302-T3-B
38	03210164	VŨ VĂN TRỊNH	Nam	02/09/1987	Gây mê hồi sức	Gây mê hồi sức	Miễn thi	404A	302-T3-B
39	03210157	NGUYỄN VĂN HÙNG	Nam	17/12/1986	Giải phẫu bệnh	Giải phẫu bệnh	Tiếng Anh	302B	302-T3-B
40	03210230	NGUYỄN TUẤN ANH	Nữ	26/03/1977	Giải phẫu bệnh	Giải phẫu bệnh	Miễn thi	401B	302-T3-B
41	03210247	NGHIÊM CHÍ CƯỜNG	Nam	27/09/1984	Giải phẫu bệnh	Giải phẫu bệnh	Tiếng Anh	402B	302-T3-B
42	03210026	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	02/07/1989	Hóa sinh Y học	Hóa sinh Y học	Tiếng Anh	301A	302-T3-B
43	03210160	NGUYỄN VĂN THƯỜNG	Nam	10/10/1981	Hóa sinh Y học	Hóa sinh Y học	Tiếng Anh	302A	302-T3-B
44	03210166	NGUYỄN NGỌC THÁI	Nam	13/07/1983	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	301B	302-T3-B
45	03210092	VƯƠNG XUÂN TRUNG	Nam	08/10/1990	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	301B	302-T3-B
46	03210352	NGUYỄN VĂN THỰC	Nam	06/12/1985	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	302A	302-T3-B
47	03210132	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	18/08/1982	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	302B	302-T3-B
48	03210122	TRƯƠNG VĂN DŨNG	Nam	05/08/1983	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	302B	302-T3-B
49	03210208	NGUYỄN THỊ THU CÚC	Nữ	11/06/1978	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	303A	302-T3-B
50	03210357	NGHIÊM THỊ PHƯƠNG HỒNG	Nữ	28/08/1987	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	303B	302-T3-B
51	03210330	VŨ ĐÌNH HÙNG	Nam	19/05/1981	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Pháp	303B	302-T3-B
52	03210047	NGUYỄN BÁ CƯỜNG	Nam	24/07/1990	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Miễn thi	401A	302-T3-B
53	03210021	TRẦN VĂN ĐỒNG	Nam	18/02/1980	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Miễn thi	401A	302-T3-B
54	03210101	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Nam	01/06/1974	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	402A	302-T3-B
55	03210225	PHẠM ĐẮC TƯỜNG	Nam	25/07/1977	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	402A	302-T3-B
56	03210336	NGUYỄN DUY CHÍNH	Nam	21/05/1982	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	403A	302-T3-B
57	03210369	NGÔ MẠNH HÀ	Nam	10/12/1980	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	403A	302-T3-B
58	03210374	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	18/03/1989	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Tiếng Anh	403A	302-T3-B
59	03210175	BÙI THỊ LAN PHƯƠNG	Nữ	04/02/1986	Hồi sức cấp cứu	Hồi sức cấp cứu	Miễn thi	404A	302-T3-B
60	03210267	NGUYỄN MẠNH LINH	Nam	25/09/1983	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Tiếng Anh	301A	302-T3-B
61	03210263	NGUYỄN QUANG ĐẠT	Nam	29/11/1986	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Tiếng Anh	301B	302-T3-B
62	03210258	LÊ NGỌC HỒNG	Nam	26/08/1985	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Tiếng Pháp	301B	302-T3-B
63	03210359	TỔNG THỊ HƯƠNG	Nữ	30/08/1982	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Tiếng Anh	302A	302-T3-B
64	03210126	BÙI THU HƯƠNG	Nữ	02/09/1986	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Tiếng Anh	303A	302-T3-B
65	03210185	PHAN THỊ PHƯỢNG	Nữ	31/05/1986	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Tiếng Anh	303B	302-T3-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
66	03210228	TRẦN THU THỦY	Nữ	05/04/1983	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Miễn thi	401B	302-T3-B
67	03210269	LƯU THỊ THU HƯƠNG	Nữ	10/04/1985	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Tiếng Anh	402A	302-T3-B
68	03210145	LƯU THỊ TỎ UYÊN	Nữ	11/09/1982	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Tiếng Anh	403A	302-T3-B
69	03210326	NGUYỄN THỊ MINH THIÊN	Nữ	01/12/1980	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Tiếng Anh	403B	302-T3-B
70	03210123	NGUYỄN THỊ HUYỀN	Nữ	15/05/1976	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Miễn thi	404A	302-T3-B
71	03210292	PHAN DUY VIỆN	Nam	14/08/1983	Huyết học - Truyền máu	Huyết học - Truyền máu	Miễn thi	404A	302-T3-B
72	03210089	PHẠM PHƯƠNG THẢO	Nữ	14/04/1975	Lão khoa	Nội khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
73	03210194	PHẠM THỊ HOÀI GIANG	Nữ	25/03/1982	Lão khoa	Nội khoa	Tiếng Anh	303A	201-T2-B
74	03210110	ĐỖ THỊ THU HẰNG	Nữ	05/08/1985	Lão khoa	Nội khoa	Tiếng Anh	303A	201-T2-B
75	03210232	LƯƠNG THỊ THANH	Nữ	10/06/1980	Lão khoa	Nội khoa	Miễn thi	401A	201-T2-B
76	03210019	NGUYỄN TRUNG THÁI	Nam	12/12/1984	Lão khoa	Nội khoa	Tiếng Anh	402A	201-T2-B
77	03210249	VŨ THU THỦY	Nữ	19/09/1984	Lão khoa	Nội khoa	Tiếng Anh	402B	201-T2-B
78	03210054	ĐÀO THỊ NHÂM	Nữ	05/09/1984	Lão khoa	Nội khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
79	03210088	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	01/01/1978	Lão khoa	Nội khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B
80	03210121	NGUYỄN DUY DUẨN	Nam	30/07/1981	Nội hô hấp	Nội khoa	Tiếng Anh	301B	201-T2-B
81	03210187	TRỊNH VIỆT ANH	Nam	14/03/1982	Nội hô hấp	Nội khoa	Tiếng Anh	302A	201-T2-B
82	03210130	NGUYỄN THỊ QUÝ	Nữ	06/09/1983	Nội hô hấp	Nội khoa	Tiếng Anh	303A	201-T2-B
83	03210344	LÊ THỊ BA	Nữ	07/08/1986	Nội hô hấp	Nội khoa	Miễn thi	401B	201-T2-B
84	03210158	HÀ MẠNH HÙNG	Nam	29/12/1983	Nội hô hấp	Nội khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
85	03210046	VŨ KHÁNH CHI	Nữ	02/10/1983	Nội tiết	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
86	03210315	HOÀNG THU HẰNG	Nữ	30/12/1978	Nội tiết	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
87	03210385	LÊ NA	Nữ	10/06/1979	Nội tiết	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
88	03210043	VŨ THỊ ÁNH	Nữ	01/03/1983	Nội tiết	Nội khoa	Tiếng Anh	302A	201-T2-B
89	03210039	TRẦN THỊ HẢI YẾN	Nữ	01/03/1983	Nội tiết	Nội khoa	Tiếng Anh	302A	201-T2-B
90	03210361	PHAN THỊ MINH TÂM	Nữ	22/08/1973	Nội tiết	Nội khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
91	03210051	LÊ THỊ VÂN ANH	Nữ	16/08/1979	Nội tiết	Nội khoa	Miễn thi	401B	201-T2-B
92	03210231	TẠ THÙY LINH	Nữ	23/03/1984	Nội tiết	Nội khoa	Tiếng Anh	402B	201-T2-B
93	03210173	ĐINH THỊ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	15/07/1980	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
94	03210370	TRẦN THANH QUỲNH	Nam	09/04/1985	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
95	03210177	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	03/11/1987	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Tiếng Anh	302A	201-T2-B
96	03210275	VŨ THỊ DUYÊN	Nữ	14/10/1986	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Tiếng Anh	302A	201-T2-B
97	03210192	TRẦN THỊ MAI CÚC	Nữ	18/12/1982	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
98	03210182	ĐÀO VĂN TIỀN	Nam	30/11/1985	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
99	03210050	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Nữ	26/08/1985	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
100	03210297	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGÀ	Nữ	30/04/1979	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Miễn thi	401B	201-T2-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
101	03210252	HOÀNG THÚY NGÀ	Nữ	19/12/1992	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Tiếng Anh	402A	201-T2-B
102	03210174	HOÀNG CẨM TÚ	Nữ	02/03/1987	Nội tiêu hoá	Nội khoa	Tiếng Anh	402B	201-T2-B
103	03210290	NGUYỄN VĂN DÂN	Nam	12/10/1986	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
104	03210362	NGUYỄN DUY LINH	Nam	20/10/1989	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
105	03210106	NGUYỄN VĂN SƠN	Nam	13/12/1982	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
106	03210079	NGUYỄN THỊ THÂN	Nữ	04/04/1980	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
107	03210256	NGUYỄN MẠNH HÀ	Nam	17/03/1979	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	301B	201-T2-B
108	03210104	LÊ THÚY NGỌC	Nữ	03/07/1978	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Pháp	301B	201-T2-B
109	03210233	TÔ VĂN ĐẠT	Nam	20/12/1986	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
110	03210125	TRẦN BẢO TRANG	Nữ	17/01/1983	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
111	03210154	HOÀNG MINH QUANG	Nam	03/10/1979	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	303A	201-T2-B
112	03210242	CAO VIỆT CƯỜNG	Nam	28/09/1982	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
113	03210373	TẠ XUÂN TRƯỜNG	Nam	13/02/1983	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
114	03210006	VĂN ĐỨC HẠNH	Nam	04/10/1982	Nội Tim mạch	Nội khoa	Miễn thi	401A	201-T2-B
115	03210087	PHẠM THỊ MAI HƯƠNG	Nữ	01/07/1978	Nội Tim mạch	Nội khoa	Miễn thi	401A	201-T2-B
116	03210045	NGUYỄN ANH QUÂN	Nam	27/01/1985	Nội Tim mạch	Nội khoa	Miễn thi	401A	201-T2-B
117	03210086	ĐẶNG MINH HẢI	Nam	26/02/1985	Nội Tim mạch	Nội khoa	Miễn thi	401B	201-T2-B
118	03210067	LÊ DUY ĐẠO	Nam	12/02/1977	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	402A	201-T2-B
119	03210170	TRẦN ANH TUẤN	Nam	19/07/1981	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	402A	201-T2-B
120	03210381	ĐỖ THU HIỀN	Nữ	29/09/1981	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
121	03210277	NGUYỄN ĐỨC NHƯÔNG	Nam	09/10/1985	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
122	03210212	TRẦN VĂN QUÝ	Nam	16/11/1983	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
123	03210093	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	04/04/1984	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
124	03210058	ĐINH THỊ HIỀN	Nữ	15/05/1981	Nội Tim mạch	Nội khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
125	03210272	ĐÀO HỒNG QUÂN	Nam	22/08/1986	Nội Tim mạch	Nội khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B
126	03210161	TRẦN ĐÌNH SỸ	Nam	29/02/1984	Nội Tim mạch	Nội khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B
127	03210306	NGUYỄN VĂN THÀNH	Nam	08/09/1982	Nội Tim mạch	Nội khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B
128	03210062	TRẦN TUẤN ANH	Nam	18/01/1977	Nội thận - Tiết niệu	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
129	03210279	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	Nữ	02/06/1981	Nội thận - Tiết niệu	Nội khoa	Tiếng Pháp	302A	201-T2-B
130	03210072	PHẠM THÚY VÂN	Nữ	26/10/1987	Nội thận - Tiết niệu	Nội khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
131	03210360	ĐỒNG THẾ UY	Nam	10/06/1987	Nội thận - Tiết niệu	Nội khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
132	03210013	PHÙNG ĐỨC TÂM	Nam	17/09/1989	Nội xương khớp	Nội khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
133	03210207	PHẠM NGỌC DƯƠNG	Nam	12/03/1991	Nội xương khớp	Nội khoa	Tiếng Anh	302A	201-T2-B
134	03210294	NGUYỄN TRẦN TRUNG	Nam	21/04/1984	Nội xương khớp	Nội khoa	Tiếng Pháp	302A	201-T2-B
135	03210191	TRẦN NGỌC TÙNG	Nam	04/12/1983	Nội xương khớp	Nội khoa	Tiếng Anh	302A	201-T2-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
136	03210144	TRẦN KHANH	Nam	10/08/1971	Nội xương khớp	Nội khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
137	03210070	LÊ THỊ HẢI HÀ	Nữ	31/12/1977	Nội xương khớp	Nội khoa	Miễn thi	401B	201-T2-B
138	03210240	DƯƠNG VĂN QUYỀN	Nam	27/10/1980	Nội xương khớp	Nội khoa	Miễn thi	401B	201-T2-B
139	03210165	ĐỖ MINH PHƯƠNG	Nữ	01/12/1984	Nội xương khớp	Nội khoa	Tiếng Anh	402A	201-T2-B
140	03210383	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	Nữ	20/04/1981	Nội xương khớp	Nội khoa	Tiếng Anh	402B	201-T2-B
141	03210283	NGUYỄN ĐỨC PHONG	Nam	14/07/1991	Nội xương khớp	Nội khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
142	03210278	DƯƠNG NGỌC HÙNG	Nam	24/05/1981	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	301A	302-T3-B
143	03210169	VƯƠNG XUÂN THỦY	Nam	03/08/1979	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	301A	302-T3-B
144	03210020	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Nam	06/05/1985	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	301B	302-T3-B
145	03210184	TRẦN ÂN GIANG	Nam	20/03/1980	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Pháp	301B	302-T3-B
146	03210189	CÙ TRUNG KIÊN	Nam	19/11/1983	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	301B	302-T3-B
147	03210309	NGUYỄN HỮU NAM	Nam	20/06/1982	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	301B	302-T3-B
148	03210285	TRẦN QUYẾT	Nam	10/09/1987	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	301B	302-T3-B
149	03210068	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	22/09/1990	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	302A	302-T3-B
150	03210397	PHẠM SỸ HIẾU	Nam	19/08/1977	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	302A	302-T3-B
151	03210118	NGUYỄN THANH HOÀI	Nam	16/07/1984	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Pháp	302A	302-T3-B
152	03210206	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	Nam	26/10/1987	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	302A	302-T3-B
153	03210152	NGUYỄN TIẾN SƠN	Nam	11/04/1975	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	302A	302-T3-B
154	03210273	NGUYỄN VĂN THẮNG	Nam	06/06/1983	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	302A	302-T3-B
155	03210056	VŨ ĐỨC TUẤN	Nam	22/01/1991	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	302A	302-T3-B
156	03210286	PHẠM MINH HIẾU	Nam	25/10/1990	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	302B	302-T3-B
157	03210265	NGUYỄN TRỌNG QUỲNH	Nam	10/11/1982	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Pháp	302B	302-T3-B
158	03210017	TRẦN ĐỨC THANH	Nam	20/01/1992	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	302B	302-T3-B
159	03210376	NGUYỄN VĂN VIỆT	Nam	21/09/1988	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	302B	302-T3-B
160	03210063	PHẠM TRUNG HIẾU	Nam	05/02/1985	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	303A	302-T3-B
161	03210109	ĐỖ HẢI LINH	Nam	01/02/1979	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	303A	302-T3-B
162	03210366	NGUYỄN VĂN THƯ	Nam	17/11/1972	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	303A	302-T3-B
163	03210327	TRẦN VĂN QUYẾT	Nam	06/03/1983	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	303B	302-T3-B
164	03210057	NGUYỄN MINH ANH	Nam	12/11/1986	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401A	302-T3-B
165	03210129	TRẦN TUẤN ANH	Nam	29/09/1983	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401A	302-T3-B
166	03210323	VƯƠNG NGỌC BIÊN	Nam	10/04/1979	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401A	302-T3-B
167	03210163	HOÀNG VĂN ĐỨC	Nam	03/08/1986	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401A	302-T3-B
168	03210238	BÙI VĂN DƯƠNG	Nam	22/12/1985	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401A	302-T3-B
169	03210090	CAO MẠNH THÁU	Nam	27/11/1987	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401A	302-T3-B
170	03210115	NGUYỄN TRỌNG ĐỨC	Nam	16/07/1979	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401B	302-T3-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
171	03210396	ĐINH THANH GIÁO	Nam	02/12/1984	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401B	302-T3-B
172	03210312	NGUYỄN CÔNG HIẾU	Nam	21/06/1979	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401B	302-T3-B
173	03210042	NGUYỄN TIẾN NGỌC	Nam	02/05/1984	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401B	302-T3-B
174	03210048	NGUYỄN TRỌNG TÀI	Nam	05/11/1982	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	401B	302-T3-B
175	03210355	CHU THANH BÌNH	Nam	17/01/1977	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	402A	302-T3-B
176	03210259	TRỊNH HOÀNG HÙNG	Nam	13/10/1982	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	402A	302-T3-B
177	03210308	NGUYỄN VĂN PHAN	Nam	20/07/1990	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	402A	302-T3-B
178	03210329	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	04/04/1984	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	402B	302-T3-B
179	03210388	PHAN VĂN HẬU	Nam	13/09/1979	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	402B	302-T3-B
180	03210023	ĐINH THẾ HÙNG	Nam	16/11/1991	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	402B	302-T3-B
181	03210296	NGÔ VĂN BẰNG	Nam	07/06/1975	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	403A	302-T3-B
182	03210404	NGUYỄN THANH PHONG	Nam	12/03/1987	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	403A	302-T3-B
183	03210221	NGUYỄN DUY SƠN	Nam	01/08/1987	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	403A	302-T3-B
184	03210133	HẠ HỒNG CƯỜNG	Nam	12/04/1986	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	403B	302-T3-B
185	03210222	PHẠM MINH PHƯƠNG	Nam	01/01/1978	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	403B	302-T3-B
186	03210183	NGUYỄN VĂN QUANG	Nam	18/02/1983	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	403B	302-T3-B
187	03210379	NGUYỄN CHIẾN QUYẾT	Nam	18/12/1989	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	403B	302-T3-B
188	03210117	NGUYỄN HOÀNG THANH	Nam	23/09/1986	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	403B	302-T3-B
189	03210219	TRẦN XUÂN THỦY	Nam	22/06/1975	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Tiếng Anh	403B	302-T3-B
190	03210124	TRIỆU ĐỨC ANH	Nam	26/09/1986	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	404A	302-T3-B
191	03210075	MÃ HỒNG CẦU	Nam	04/04/1980	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	404A	302-T3-B
192	03210351	NGUYỄN VĂN CỪ	Nam	05/01/1976	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	404A	302-T3-B
193	03210077	VŨ VĂN HÀ	Nam	18/01/1971	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	404A	302-T3-B
194	03210346	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	Nam	20/02/1982	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	404A	302-T3-B
195	03210380	ĐẶNG MINH QUANG	Nam	30/03/1993	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	404A	302-T3-B
196	03210403	NGUYỄN TRẦN THÀNH	Nam	14/08/1983	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	404A	302-T3-B
197	03210264	LÊ VĂN TUẤN	Nam	22/11/1979	Ngoại khoa	Ngoại khoa	Miễn thi	404A	302-T3-B
198	03210320	LƯU THỊ QUỲNH ANH	Nữ	06/07/1981	Nhân khoa	Nhân khoa	Tiếng Anh	301B	201-T2-B
199	03210408	PHÙNG THỊ THÚY HẰNG	Nữ	29/11/1979	Nhân khoa	Nhân khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
200	03210291	NGÔ THỊ HỒNG THẨM	Nữ	23/01/1982	Nhân khoa	Nhân khoa	Tiếng Anh	303A	201-T2-B
201	03210317	NGUYỄN HỮU KHƯƠNG	Nam	12/08/1982	Nhân khoa	Nhân khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
202	03210159	NGUYỄN THU UYÊN	Nữ	28/05/1983	Nhân khoa	Nhân khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
203	03210299	TRẦN HUYỀN TRANG	Nữ	05/08/1984	Nhân khoa	Nhân khoa	Miễn thi	401A	201-T2-B
204	03210168	NGUYỄN TRUNG HIẾU	Nam	04/07/1977	Nhân khoa	Nhân khoa	Miễn thi	401B	201-T2-B
205	03210354	BÙI VIỆT HÙNG	Nam	26/05/1985	Nhân khoa	Nhân khoa	Miễn thi	401B	201-T2-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
206	03210119	HOÀNG HOA QUỲNH	Nữ	08/09/1981	Nhân khoa	Nhân khoa	Miễn thi	401B	201-T2-B
207	03210387	PHẠM THỊ HẰNG	Nữ	05/10/1981	Nhân khoa	Nhân khoa	Tiếng Anh	402A	201-T2-B
208	03210347	ĐỖ TUYẾT NHUNG	Nữ	22/10/1982	Nhân khoa	Nhân khoa	Tiếng Anh	402B	201-T2-B
209	03210391	BÙI CẨM HƯƠNG	Nữ	30/05/1981	Nhân khoa	Nhân khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
210	03210218	TRẦN VĂN HÀ	Nam	01/09/1981	Nhân khoa	Nhân khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
211	03210172	NGÔ TIẾN ĐÔNG	Nam	12/01/1985	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
212	03210365	DOÃN PHÚC HẢI	Nam	14/06/1986	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	301A	201-T2-B
213	03210246	NGUYỄN THỊ HOAN	Nam	23/11/1980	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	301B	201-T2-B
214	03210340	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	06/11/1984	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	301B	201-T2-B
215	03210112	ĐÀM THỊ QUỲNH	Nữ	05/11/1982	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	301B	201-T2-B
216	03210069	NGUYỄN TRỌNG DŨNG	Nam	10/11/1982	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
217	03210027	TRẦN THỊ MẠNH	Nữ	07/01/1983	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
218	03210151	NGUYỄN THỊ THU NGÀ	Nữ	19/07/1985	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
219	03210345	NGUYỄN THỊ VÂN	Nữ	29/09/1989	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	302B	201-T2-B
220	03210198	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	Nữ	15/03/1980	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	303A	201-T2-B
221	03210107	HOÀNG THỊ NĂNG	Nữ	02/04/1983	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
222	03210270	QUÁCH THỊ THANH	Nữ	05/06/1984	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
223	03210036	PHẠM THỊ HOÀI THU	Nam	18/12/1978	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	303B	201-T2-B
224	03210237	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Nữ	11/09/1982	Nhi khoa	Nhi khoa	Miễn thi	401A	201-T2-B
225	03210251	VŨ HỮU THỜI	Nam	04/01/1982	Nhi khoa	Nhi khoa	Miễn thi	401A	201-T2-B
226	03210105	LÊ NGỌC ANH	Nữ	13/02/1980	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	402A	201-T2-B
227	03210216	NGUYỄN THẾ HẢI	Nữ	03/07/1983	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	402A	201-T2-B
228	03210201	LÊ VĂN MẠNH	Nam	04/10/1983	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	402A	201-T2-B
229	03210171	NGUYỄN THỊ MỸ	Nữ	21/10/1982	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	402B	201-T2-B
230	03210094	HÀ THỊ NGÀ	Nữ	14/05/1986	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	402B	201-T2-B
231	03210008	ĐẶNG THÁI BÌNH	Nữ	19/01/1980	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
232	03210220	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	Nam	18/06/1972	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
233	03210099	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG	Nam	05/05/1983	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
234	03210028	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	Nữ	17/11/1989	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
235	03210215	NGÔ THỊ THU TUYẾN	Nữ	20/11/1982	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	403A	201-T2-B
236	03210188	NGUYỄN THỊ KIM ANH	Nữ	18/09/1979	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
237	03210386	HÀ THỊ HỒNG GIANG	Nữ	30/01/1985	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
238	03210337	VŨ THỊ NHƯ LUYẾN	Nữ	10/12/1983	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
239	03210030	NGUYỄN ANH TIẾN	Nam	01/09/1976	Nhi khoa	Nhi khoa	Tiếng Anh	403B	201-T2-B
240	03210304	ĐẶNG THÀNH CHUNG	Nam	16/02/1978	Nhi khoa	Nhi khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
241	03210031	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	Nữ	07/01/1982	Nhi khoa	Nhi khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B
242	03210055	LÊ THỊ HOA	Nữ	30/04/1984	Nhi khoa	Nhi khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B
243	03210302	PHẠM CÔNG KHẮC	Nam	02/05/1983	Nhi khoa	Nhi khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B
244	03210181	NGUYỄN THỊ THANH PHÚC	Nữ	16/11/1984	Nhi khoa	Nhi khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B
245	03210310	LÊ THỊ LỆ THẢO	Nữ	31/12/1979	Nhi khoa	Nhi khoa	Miễn thi	404A	201-T2-B
246	03210098	LÂM THUY MAI	Nam	11/08/1984	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng	Tiếng Anh	301A	202-T2-B
247	03210014	BÙI THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	14/06/1979	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng	Miễn thi	401A	202-T2-B
248	03210196	HOÀNG QUỐC ANH	Nam	22/08/1985	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng	Tiếng Anh	403A	202-T2-B
249	03210143	NGÔ THỊ HỒNG VÂN	Nữ	23/10/1984	Phục hồi chức năng	Phục hồi chức năng	Tiếng Pháp	403B	202-T2-B
250	03210343	CAO THỊ NGỌC	Nữ	02/10/1986	Răng - Hàm - Mặt	Răng - Hàm - Mặt	Tiếng Anh	301A	202-T2-B
251	03210254	NGUYỄN CHÍ HIẾU	Nam	07/11/1977	Răng - Hàm - Mặt	Răng - Hàm - Mặt	Tiếng Anh	303B	202-T2-B
252	03210300	LÊ VĂN NAM	Nam	20/05/1983	Răng - Hàm - Mặt	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi	401A	202-T2-B
253	03210102	LÊ BÁ ANH ĐỨC	Nam	12/09/1987	Răng - Hàm - Mặt	Răng - Hàm - Mặt	Miễn thi	401B	202-T2-B
254	03210180	PHƯƠNG THỊ TRANG	Nữ	01/12/1984	Răng - Hàm - Mặt	Răng - Hàm - Mặt	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
255	03210335	NGUYỄN HOÀNG TÂN	Nam	18/05/1983	Răng - Hàm - Mặt	Răng - Hàm - Mặt	Tiếng Anh	403B	202-T2-B
256	03210146	ĐINH HUỆ QUYÊN	Nữ	03/02/1991	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	301A	202-T2-B
257	03210033	NGUYỄN VĂN XUYỀN	Nam	09/02/1990	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	301A	202-T2-B
258	03210097	CAO TUẤN ANH	Nam	29/12/1987	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	301B	202-T2-B
259	03210095	NGÔ THỊ BẰNG	Nữ	21/03/1986	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	301B	202-T2-B
260	03210382	ĐẶNG TIỀN LONG	Nam	26/07/1989	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	301B	202-T2-B
261	03210029	NGUYỄN THẾ ANH	Nam	06/11/1982	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	302A	202-T2-B
262	03210060	LÊ VIỆT CƯỜNG	Nam	23/12/1982	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	302A	202-T2-B
263	03210037	CỦ CHIẾN THẮNG	Nam	19/05/1990	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	302A	202-T2-B
264	03210025	HOÀNG NỮ PHÚ XUÂN	Nữ	04/06/1983	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	302A	202-T2-B
265	03210085	NGUYỄN THỊ CHUNG	Nữ	12/10/1982	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	302B	202-T2-B
266	03210244	PHAN THỊ THU HẰNG	Nữ	13/10/1985	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	302B	202-T2-B
267	03210322	ĐINH THỊ NGỌC LAN	Nữ	19/09/1984	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	302B	202-T2-B
268	03210209	NGHIÊM VĂN DŨNG	Nam	08/10/1986	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	303A	202-T2-B
269	03210140	MAI THỊ ANH	Nữ	02/05/1980	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	303B	202-T2-B
270	03210282	TRỊNH CÔNG DOANH	Nam	15/12/1983	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	303B	202-T2-B
271	03210399	PHÙNG VĂN HUỆ	Nam	06/05/1979	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	303B	202-T2-B
272	03210010	LÊ THỊ PHƯƠNG THANH	Nữ	08/12/1989	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	303B	202-T2-B
273	03210082	DƯƠNG THỊ LOAN	Nữ	08/05/1985	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Miễn thi	401A	202-T2-B
274	03210176	CAO VĂN GIANG	Nam	31/08/1986	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Miễn thi	401B	202-T2-B
275	03210342	NGUYỄN THỊ MINH	Nữ	16/09/1977	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Miễn thi	401B	202-T2-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
276	03210038	NHU THUY VÂN	Nữ	22/09/1984	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Miễn thi	401B	202-T2-B
277	03210324	PHẠM QUYẾT THẮNG	Nam	09/06/1985	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
278	03210372	NGUYỄN THỊ KIM DUNG	Nữ	07/11/1987	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
279	03210384	TẠ THỊ THÚY HẰNG	Nữ	31/01/1982	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
280	03210223	VŨ THỊ HẢO	Nữ	05/08/1980	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
281	03210156	LÊ SỸ DŨNG	Nam	22/12/1993	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	403A	202-T2-B
282	03210148	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	Nam	06/08/1989	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	403A	202-T2-B
283	03210147	BẠCH THỊ HÀ THU	Nữ	28/07/1984	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	403A	202-T2-B
284	03210076	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	11/08/1986	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	403B	202-T2-B
285	03210022	LÊ NGỌC TRUNG	Nam	07/03/1979	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Tiếng Anh	403B	202-T2-B
286	03210295	NGUYỄN XUÂN DƯƠNG	Nam	09/07/1986	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	Miễn thi	404A	202-T2-B
287	03210193	PHÙNG QUANG TUẤN	Nam	22/12/1979	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Tiếng Anh	301A	202-T2-B
288	03210205	HOÀNG THỊ HOÀ BÌNH	Nữ	12/12/1983	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Tiếng Anh	302B	202-T2-B
289	03210004	TỪ THỊ MINH THU	Nam	04/06/1979	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Tiếng Anh	302B	202-T2-B
290	03210371	NGUYỄN SONG HÀO	Nam	17/11/1974	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Tiếng Anh	303A	202-T2-B
291	03210338	LÊ VĂN THÀNH	Nam	17/05/1984	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Tiếng Anh	303A	202-T2-B
292	03210053	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	Nam	25/08/1980	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Tiếng Anh	303A	202-T2-B
293	03210406	TRỊNH THỊ VÂN	Nam	01/01/1981	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Tiếng Anh	303A	202-T2-B
294	03210052	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	Nữ	18/11/1984	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Miễn thi	401B	202-T2-B
295	03210011	NGUYỄN HOÀNG HẢI	Nam	25/03/1971	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Miễn thi	401B	202-T2-B
296	03210007	NGUYỄN MẠNH LINH	Nam	08/09/1983	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Miễn thi	401B	202-T2-B
297	03210314	NGUYỄN THỊ HUỆ	Nữ	20/03/1983	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
298	03210065	NGUYỄN VĂN NINH	Nam	13/12/1982	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
299	03210190	NGUYỄN MINH HÙNG	Nam	25/05/1981	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Miễn thi	404A	202-T2-B
300	03210341	NGUYỄN TIẾN PHÚ	Nam	26/05/1977	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Miễn thi	404A	202-T2-B
301	03210276	PHẠM VĂN TUẤN	Nam	10/11/1981	Tai - Mũi - Họng	Tai - Mũi - Họng	Miễn thi	404A	202-T2-B
302	03210213	PHẠM THẾ VĂN	Nam	07/12/1993	Tâm thần	Tâm thần	Tiếng Anh	303B	202-T2-B
303	03210239	LÊ VĂN CƯỜNG	Nam	04/08/1970	Tâm thần	Tâm thần	Miễn thi	401A	202-T2-B
304	03210199	NÔNG ĐỨC DŨNG	Nam	07/07/1983	Tâm thần	Tâm thần	Miễn thi	401A	202-T2-B
305	03210241	HOÀNG PHƯƠNG	Nữ	01/02/1979	Tâm thần	Tâm thần	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
306	03210262	VŨ VĂN HOÀI	Nam	06/12/1993	Tâm thần	Tâm thần	Tiếng Anh	403A	202-T2-B
307	03210150	CHU BÁ CHUNG	Nam	25/12/1990	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	301A	202-T2-B
308	03210253	ĐỖ THỊ HÀ	Nữ	22/01/1992	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	301B	202-T2-B
309	03210358	PHAN HÀ QUÂN	Nam	26/11/1989	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	301B	202-T2-B
310	03210162	PHAN TIẾN LỘC	Nam	29/03/1992	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	302A	202-T2-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
311	03210332	NGUYỄN THỊ NGÀ	Nữ	09/04/1982	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	302B	202-T2-B
312	03210071	NGUYỄN THỊ HÀ	Nữ	11/05/1988	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Pháp	303B	202-T2-B
313	03210211	NGUYỄN THỊ BÍCH LỆ	Nữ	02/11/1990	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
314	03210229	ĐINH THỊ LỢI	Nữ	02/12/1983	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
315	03210260	ĐÀO THỊ THU HUYỀN	Nữ	07/05/1991	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
316	03210319	NGUYỄN VĂN KÍNH	Nam	05/05/1975	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
317	03210363	NGUYỄN THỊ MAI	Nữ	03/10/1986	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	403A	202-T2-B
318	03210139	TRẦN THỊ LAN	Nữ	05/10/1981	Thần kinh	Thần kinh	Tiếng Anh	403B	202-T2-B
319	03210091	ĐÀO XUÂN LƯƠNG	Nam	21/08/1979	Thần kinh	Thần kinh	Miễn thi	404A	202-T2-B
320	03210235	NGUYỄN VĂN TUẤN	Nam	18/01/1983	Truyền nhiễm &CBNĐ	Truyền nhiễm	Tiếng Anh	302A	202-T2-B
321	03210149	NGUYỄN VĂN DUYỆT	Nam	22/07/1984	Truyền nhiễm &CBNĐ	Truyền nhiễm	Tiếng Pháp	302B	202-T2-B
322	03210005	PHẠM CÔNG ĐỨC	Nam	19/02/1982	Truyền nhiễm &CBNĐ	Truyền nhiễm	Tiếng Pháp	303A	202-T2-B
323	03210131	DƯƠNG QUỐC BẢO	Nam	04/09/1985	Truyền nhiễm &CBNĐ	Truyền nhiễm	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
324	03210096	TRẦN VĂN BẮC	Nam	07/09/1984	Truyền nhiễm &CBNĐ	Truyền nhiễm	Miễn thi	404A	202-T2-B
325	03210064	TRẦN MINH QUÂN	Nam	11/01/1980	Truyền nhiễm &CBNĐ	Truyền nhiễm	Miễn thi	404A	202-T2-B
326	03210236	NGUYỄN THANH DƯƠNG	Nam	21/12/1984	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	301A	202-T2-B
327	03210002	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	Nam	27/03/1986	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	301A	202-T2-B
328	03210280	NGUYỄN ĐỨC LONG	Nam	10/12/1983	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	301B	202-T2-B
329	03210081	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	Nữ	16/07/1979	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	302B	202-T2-B
330	03210395	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	16/02/1983	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	303A	202-T2-B
331	03210024	NGUYỄN VĂN KHOA	Nam	10/06/1978	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	303A	202-T2-B
332	03210271	ĐẶNG TIẾN GIANG	Nam	28/12/1986	Ung thư	Ung thư	Miễn thi	401A	202-T2-B
333	03210186	NGUYỄN XUÂN QUÝ	Nam	06/06/1983	Ung thư	Ung thư	Miễn thi	401A	202-T2-B
334	03210321	ĐÀO THỊ OANH	Nữ	21/03/1981	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
335	03210136	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Nữ	24/09/1987	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
336	03210153	ĐỖ THỊ HIỆU	Nữ	16/11/1983	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
337	03210356	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	Nữ	17/11/1989	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
338	03210316	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	24/06/1983	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
339	03210100	NGUYỄN ANH TUẤN	Nam	23/08/1984	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	402B	202-T2-B
340	03210142	NGUYỄN THỊ OANH	Nữ	24/06/1985	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	403B	202-T2-B
341	03210281	THÂN VĂN THỊNH	Nam	21/03/1983	Ung thư	Ung thư	Tiếng Anh	403B	202-T2-B
342	03210348	BÙI THỊ THU HƯỜNG	Nữ	11/05/1982	Vi sinh y học	Vi sinh y học	Tiếng Anh	301B	202-T2-B
343	03210405	HÀ THỊ NGUYỆT MINH	Nữ	25/11/1971	Vi sinh y học	Vi sinh y học	Tiếng Anh	303A	202-T2-B
344	03210255	ĐINH THỊ THANH HUYỀN	Nữ	05/05/1981	Vi sinh y học	Vi sinh y học	Miễn thi	401A	202-T2-B
345	03210041	NGUYỄN THỊ HOA	Nữ	10/07/1990	Vi sinh y học	Vi sinh y học	Miễn thi	401B	202-T2-B

STT	Số BD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Chuyên ngành dự thi	Môn CN	Môn NN	Phòng thi	Phòng chờ
346	03210331	TRẦN GIA PHÚ	Nam	25/08/1977	Vi sinh y học	Vi sinh y học	Miễn thi	401B	202-T2-B
347	03210394	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	Nữ	09/07/1984	Vi sinh y học	Vi sinh y học	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
348	03210349	ĐINH VĂN DŨNG	Nam	21/12/1984	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Tiếng Anh	301A	202-T2-B
349	03210015	NGUYỄN THỊ THƯƠNG HUYỀN	Nữ	31/01/1982	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Tiếng Anh	301B	202-T2-B
350	03210227	TRIỆU THỊ THÙY LINH	Nữ	20/11/1987	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Tiếng Anh	301B	202-T2-B
351	03210049	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	Nữ	04/04/1985	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Tiếng Anh	303A	202-T2-B
352	03210210	VŨ VIỆT DƯƠNG	Nam	21/06/1985	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Tiếng Anh	403B	202-T2-B
353	03210127	ĐÀO THỊ MINH CHÂU	Nữ	06/01/1983	Y học cổ truyền	Y học cổ truyền	Miễn thi	404A	202-T2-B
354	03210377	NGUYỄN TẤN LỰC	Nam	30/12/1986	Y học hạt nhân	Y học hạt nhân	Tiếng Anh	402A	202-T2-B
355	03210197	CHU VĂN TUYNH	Nam	30/09/1971	Y học hạt nhân	Y học hạt nhân	Miễn thi	404A	202-T2-B

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2021

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG QLĐTSDH
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC HĐTSSDH


Lê Minh Giang